



shān hú

珊瑚

noun · coral

Example Sentences

hǎi dǐ yǒu měi lì de shān hú

海底有美丽的珊瑚。

There are beautiful corals on the seabed.

quán qiú biàn nuǎn duì shān hú shēng tài xì tǒng zào chéng le yán zhòng wēi xié

全球变暖对珊瑚生态系统造成了严重威胁。

Global warming poses a serious threat to coral ecosystems.

Trace each character, then write the word on your own.

珊	珊	珊	珊	珊	珊	珊	珊	珊	珊	珊
珊										

瑚	瑚	瑚	瑚	瑚	瑚	瑚	瑚	瑚	瑚	瑚
瑚	瑚	瑚	瑚	瑚						

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--